

Bản án số 30/2020/DS-ST
Ngày 14 tháng 9 năm 2020
V/v “*Yêu cầu thực hiện
nghĩa vụ trả tiền*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Dân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Lâm và ông Phạm Thuận

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Kim Ánh, Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 43/2020/TLST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2020 về việc “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2020/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1935; Địa chỉ: Số 252/20 đường H, tổ 61 phường T, quận T, thành phố Đ. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thanh T, sinh năm 1970; Địa chỉ: Phường T, quận T, thành phố Đ; (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 08/5/2020), (ông Trà có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị Kim S, sinh năm 1964; Địa chỉ: Số 104/7 đường L, phường C, quận T, thành phố Đ (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 02/3/2019, đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 03/4/2020, cũng như trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Ngày 10/7/2011, bà Nguyễn Thị T cho bà Huỳnh Thị Kim S mượn số tiền là 92.000.000 đồng và 16 chỉ vàng 9T6 theo giấy mượn tiền ngày 10/7/2011, không thỏa thuận trả tiền lãi. Bà S hẹn khi nào bà T có yêu cầu trả lại tiền thì bà S sẽ trả. Sau đó, bà S đã trả cho bà T số tiền 92.000.000 đồng, còn lại 16 chỉ vàng 9T6 bà T nhiều lần yêu cầu bà S trả nhưng đến nay bà S vẫn không trả.

Trong khoảng thời gian từ ngày 11/6/2016 âm lịch đến ngày 06/7/2016 bà Nguyễn Thị T tiếp tục cho bà Huỳnh Thị Kim S vay nhiều lần tiền với tổng số

tiền vay là 285.000.000đ (hai trăm tám mươi lăm triệu đồng) nhưng không viết giấy tờ gì. Đến ngày 24/11/2019, bà S đã ghi giấy xác nhận mượn tiền với tổng số tiền nợ 285.000.000 đồng và hứa hẹn sẽ trả dần tiền nợ hàng tháng cho đến khi hết nợ. Đến nay, bà S chỉ trả thêm 20.000.000đ, số tiền nợ còn lại bà S vẫn không trả.

Do bà S không trả tiền vay nợ vay nên bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Huỳnh Thị Kim S phải trả số tiền **329.800.000 đồng** (Ba trăm hai mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng), trong đó: Số tiền 265.000.000 đồng theo giấy xác nhận mượn tiền ngày 24/11/2019 và 16 chỉ vàng 9T6 , không yêu cầu trả lãi.

Tại văn bản trình bày ý kiến của bị đơn ngày 20/4/2020 cũng như trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn - bà Huỳnh Thị Kim S trình bày:

Tôi xác nhận lời trình bày của nguyên đơn về việc tôi có vay mượn tiền của bà Nguyễn Thị T là đúng, cụ thể:

+ Vào ngày 10/7/2011 tôi vay 16 chỉ vàng 9T6 và thỏa thuận lãi suất 4%/tháng (tôi có viết giấy mượn vàng ngày 10/7/2011);

+ Từ tháng 4/2016, tôi tiếp tục vay nhiều lần tiền với tổng số tiền vay là 285.000.000đ (tôi có ghi giấy xác nhận mượn tiền ngày 24/11/2019) và lãi suất thỏa thuận 3,3%/tháng. Từ tháng 4/2016 đến tháng 8/2019 tôi đã trả tiền lãi tổng cộng là 331.500.000đ cho bà T và trả 20.000.000đ tiền nợ gốc vào tháng 12/2019. Tôi xác nhận còn nợ tiền của bà Nguyễn Thị T 16 chỉ vàng 9T6 và số tiền là 265.000.000đ. Nay bà T yêu cầu tôi trả số tiền **329.800.000 đồng** thì tôi đồng ý trả cho bà T. Tôi đề nghị được trả nợ như sau:

Phương án thứ nhất: Trả mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Phương án thứ hai: 05(năm) tháng trả một đợt là 20.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả việc hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T khởi kiện đối với bị đơn là bà Huỳnh Thị Kim S về việc “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*”. Bị đơn là bà Huỳnh Thị Kim S có địa chỉ cư trú tại: Số 104/7 đường L, phường C, quận T, thành phố Đ. Như vậy, Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng thụ lý, giải quyết vụ án dân sự nói trên là đúng thẩm quyền

theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì thấy:

- Căn cứ Giấy mượn tiền ngày 10/7/2011 thì bà Huỳnh Thị Kim S (bà Xoa) mượn của bà Nguyễn Thị T 92.000.000 đồng và 16 chỉ vàng. Trong giấy này không thể hiện vàng loại gì, không có thỏa thuận về lãi suất. Tuy nhiên qua hòa giải tại Tòa án, các đương sự cùng xác định 16 chỉ vàng nêu trên là loại vàng 96%. Đồng thời nguyên đơn thừa nhận là bà S (Xoa) đã có trả cho bà T 92.000.000 đồng. Như vậy, bà S (Xoa) còn nợ bà T 16 chỉ vàng loại 96%.

- Căn cứ Giấy mượn vàng ngày 24/11/2019 thì bà S (Xoa) mượn của bà T 16 chỉ vàng lá từ năm 2011, không thể hiện thỏa thuận về lãi suất. Quá trình giải quyết vụ án, cả nguyên đơn và bị đơn cùng xác nhận bà S (Xoa) nợ của bà T 16 chỉ vàng. Bà T tính quy đổi vàng thành tiền là: 16 chỉ X 4.050.000đ/chỉ = 64.800.000 đồng. Bị đơn (bà S) cùng thống nhất về số vàng và việc quy đổi thành tiền như yêu cầu của nguyên đơn.

Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy 16 chỉ vàng tại Giấy mượn tiền ngày 10/7/2011 và 16 chỉ vàng tại Giấy mượn vàng ngày 25/11/2019 chỉ là một khoản nợ vàng mà bà S (Xoa) còn nợ chưa trả cho bà T.

- Tại Giấy mượn tiền ngày 24/11/2019 thể hiện bà S (Xoa) mượn của bà T 285.000.000 đồng từ tháng 02/2016 (không thể hiện về lãi suất). Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn cùng xác nhận khoản tiền nợ này và cùng xác nhận là bà S (Xoa) đã có trả cho bà T 20.000.000 đồng. Hiện nay bà S (Xoa) còn nợ bà T số tiền 265.000.000 đồng.

Quá trình hòa giải tại Tòa án, nguyên đơn và bị đơn cùng thống nhất xác định hiện nay bà Huỳnh Thị Kim S (Xoa) còn nợ của bà Nguyễn Thị T tổng số tiền là 329.800.000đ (ba trăm hai mươi chín triệu tám trăm ngàn đồng). Trong đó có 265.000.000 đồng và 16 chỉ vàng được quy ra thành tiền là 64.800.000 đồng. Các bên đương sự không cập về lãi suất.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án buộc bà Huỳnh Thị Kim S (Xoa) phải trả toàn bộ số tiền nợ 329.800.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều: 280, 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[3] Xét ý kiến của bị đơn thì thấy: Tại văn bản “ Ý kiến của bị đơn” ngày 20/4/2020 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Huỳnh Thị Kim S trình bày: Năm 2011 bà S vay của bà T 1 cây 6 vàng (16 chỉ) với lãi suất 4%/1 tháng và đã trả tiền lãi đến năm 2013 thì không trả lãi nữa. Từ tháng 4/2016 bà S vay của bà T 285.000.000 đồng, lãi suất 3,3%/1 tháng. Tiền lãi đã trả cho bà T đến tháng 8 năm 2019 với tổng số tiền là 331.500.000 đồng. Tuy nhiên bà S

không chứng minh được số tiền lãi mà bà đã trả cho bà T. Đồng thời các đương sự không có tranh chấp hoặc yêu cầu gì đối với khoản tiền lãi mà bị đơn khai đã trả cho nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử không xem xét về tiền lãi.

Bị đơn thừa nhận toàn bộ số tiền nợ và chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Tuy nhiên, bà S xin được trả nợ dần theo từng tháng hoặc theo từng đợt cho đến khi trả hết nợ. Nguyên đơn không chấp nhận việc trả nợ kéo dài thời gian, yêu cầu bị đơn trả nợ dứt điểm một lần.

Để đảm bảo quyền lợi chính đáng của nguyên đơn theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến của bị đơn về việc xin trả nợ theo từng đợt hoặc theo từng tháng.

[4] Về án phí: Vì chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn bà Huỳnh Thị Kim S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Căn cứ các Điều: 280, 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 (V/v quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án).

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*” của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T đối với bị đơn là bà Huỳnh Thị Kim S.

Buộc bà Huỳnh Thị Kim S phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền: 329.800.000đ (*ba trăm hai mươi chín triệu tám trăm ngàn đồng*). Trong đó có 265.000.000 đồng và 16 chỉ vàng được quy ra thành tiền tại thời điểm xét xử là 64.800.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực, bên có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thực hiện, hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả tiền, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí: Bà Huỳnh Thị Kim S phải chịu 16.490.000đ (*mười sáu triệu bốn trăm chín mươi ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q. Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Dân

[2] Về quan hệ tranh chấp: Khi thụ lý vụ án, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền”. Tuy nhiên qua quá trình giải quyết vụ án thì thấy nội dung tranh chấp giữa các bên đương sự xuất phát từ hợp đồng vay mượn tiền. Vì vậy Tòa án xác định lại đây là vụ án “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Hội thẩm nhân nhân

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

